



BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CƠ KHÍ NÔNG NGHIỆP

BÁO CÁO
KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG
CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
NĂM 2023

Vĩnh Phúc, tháng 04 năm 2023

PHẦN I. GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP	5
1. Thông tin chung về cơ sở giáo dục nghề nghiệp.....	5
2. Thông tin khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.....	5
3. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của cơ sở giáo dục nghề nghiệp	8
4. Nghề đào tạo và quy mô đào tạo của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.....	10
5. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính.....	13
PHẦN II. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP	15
1. Đặt vấn đề	15
2. Tổng quan chung.....	16
3.2. Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn	Error! Bookmark not defined.
3.2.1. Tiêu chí 1 - Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý	Error! Bookmark not defined.
3.2.2. Tiêu chí 2 - Hoạt động đào tạo	Error! Bookmark not defined.
3.2.3. Tiêu chí 3 - Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động	Error! Bookmark not defined.
3.2.4. Tiêu chí 4 - Chương trình, giáo trình	Error! Bookmark not defined.
3.2.5. Tiêu chí 5 - Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện	Error! Bookmark not defined.
3.2.6. Tiêu chí 6 - Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế.....	Error! Bookmark not defined.
3.2.7. Tiêu chí 7: Quản lý tài chính.	Error! Bookmark not defined.
3.2.8. Tiêu chí 8 - Dịch vụ người học	Error! Bookmark not defined.
3.2.9. Tiêu chí 9 - Giám sát, đánh giá chất lượng.	Error! Bookmark not defined.
PHẦN III. TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG	Error!

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CƠ KHÍ NÔNG NGHIỆPError! Bookmark not defined.

PHẦN IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ.....Error! Bookmark not defined.

CÁC TỪ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Ký hiệu viết tắt
Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Bộ NN&PTNT
Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Bộ Lao động - TB&XH
Cán bộ viên chức	CBVC
Công nhân viên chức	CNVC
Cán bộ - Công nhân viên	CB-CNV
Ban chấp hành	BCH
Ủy ban nhân dân	UBND
Cao đẳng	CĐ
Cơ khí nông nghiệp	CKNN
Cơ quan phát triển Pháp	AFD
Công nghiệp hoá, hiện đại hoá	CNH, HĐH
Dụng cụ lâu bền	DCLB
Cơ sở Giáo dục nghề nghiệp	CSGDNN
Học sinh, sinh viên	HSSV
Mình chứng	MC
Nghị định – Chính phủ	NĐ- CP
Nghiên cứu khoa học	NCKH
Phát triển nông thôn	PTNT
Sơ cấp nghề	SCN
Tài sản cố định	TSCĐ
Trung học cơ sở	THCS
Trung học phổ thông	THPT
Trung học chuyên nghiệp	THCN
Trung cấp nghề	TCN
Công nghệ thông tin	CNTT
Vốn hỗ trợ phát triển không hoàn lại	ODA
Xã hội chủ nghĩa	XHCN

Từ viết tắt	Ký hiệu viết tắt
Khảo thí và Kiểm định chất lượng	KT&KĐCL
Khoa Điện tử - Điện lạnh	ĐT-ĐL
Khoa Sư phạm – Kinh tế	SP - KT
Trung tâm thông tin – thư viện	TTTT-TV
Trung tâm Ứng dụng và chuyển giao công nghệ	TTUD&CGCN
Trung tâm tuyển sinh và giới thiệu việc làm	TTTS>VL
Trung tâm đào tạo và Sát hạch lái xe	TTĐT&SHLX
Ngân hàng câu hỏi	NHCH
Môn học, mô đun	MH, MĐ
Phòng cháy chữa cháy	PCCC
Tiêu chuẩn Việt Nam	TCVN
Ngân sách Nhà nước	NSNN
Chương trình mục tiêu	CTMT
Quản lý tài chính	QLTC
Chi tiêu nội bộ	CTNB
Ký túc xá	KTX
Vệ sinh môi trường	VSMT

PHẦN I. GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

1. Thông tin chung về cơ sở giáo dục nghề nghiệp

- Tên trường: Trường Cao đẳng Cơ khí nông nghiệp
- Tên Tiếng Anh College of Agricultural Mechanics (CAM)
- Cơ quan chủ quản: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
- Địa chỉ trường: xã Tam Hợp – huyện Bình Xuyên – tỉnh Vĩnh Phúc
- Số điện thoại liên hệ: 0211.3866 542/0211.3596708
- Số Fax: 0211.3866 542
- Email: info@cam.edu.vn
- Website: <http://www.cam.edu.vn>
- Năm thành lập trường:
 - + Năm thành lập đầu tiên: 1960
 - + Năm thành lập trường cao đẳng nghề: 2007
- Loại hình trường đào tạo: Công lập

2. Thông tin khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật của cơ sở giáo dục nghề nghiệp

2. 1. Lịch sử phát triển:

Trường Cao đẳng Cơ khí nông nghiệp trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tiền thân là Trường lái Máy kéo Đồng Giao thành lập năm 1960 tại Tam Điệp Ninh Bình. Tháng 8/1962, sáp nhập với Trường Lái máy kéo Hà Trung lấy tên là Trường Lái máy kéo Hà Trung tại Hà Trung Thanh Hóa; Tháng 8 năm 1965 Trường chuyển đến xã Trung Mỹ - huyện Bình Xuyên - tỉnh Vĩnh Phúc, tháng 4 năm 1966 đổi tên thành Trường Trung học Cơ khí nông trường, đến tháng 08 năm 1972 đổi tên thành Trường Công nhân Cơ khí nông nghiệp 1 Trung Ương.

Tháng 01 năm 2007, Trường Cao đẳng Cơ khí nông nghiệp được thành lập trên cơ sở nâng cấp từ Trường Công nhân Cơ khí nông nghiệp 1 Trung Ương theo quyết định số 77/QĐ-Bộ LĐTB-XH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ngày 12/01/2007 và quyết định số 197/QĐ-BNN-TCCB ngày 24/01/2007 của Bộ NN và PTNT về chức năng nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Cơ khí nông nghiệp.

Tháng 10 năm 2019, đổi tên thành Trường Cao đẳng Cơ khí nông nghiệp theo Quyết định số 4322/QĐ-BNN-TCCB ngày 26/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Cơ khí nông nghiệp.

Nhà trường hiện có 08 phòng 08 khoa 01 bộ môn và 03 Trung tâm; có quan hệ với trên 100 doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc và các tỉnh thuộc vùng kinh tế Bắc bộ; Nhà trường có liên kết với trường Đại học CHODANG - Hàn Quốc để trao đổi đào tạo, giáo viên và học sinh, sinh viên.

Năm 2014, nhà trường được lựa chọn một trong 45 trường được đầu tư trở thành trường nghề Chất lượng cao đến năm 2022 theo QĐ 761/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; theo Quyết định số 854/QĐ-LĐTBXH nhà trường được phê duyệt 6 nghề đạt cấp độ quốc tế và 1 nghề đạt cấp độ quốc gia.

Với truyền thống 60 năm xây dựng và phát triển, Trường đã xây dựng được đội ngũ giáo viên đoàn kết một lòng, có kiến thức, có tay nghề cao, luôn luôn đổi mới và tâm huyết với nghề. Đã đào tạo được nhiều thế hệ HSSV với những kiến thức và kỹ năng cần thiết để khẳng định được mình. Xây dựng được thương hiệu của Trường và luôn có vị thế xứng đáng trong ngành NN & PTNT, tỉnh Vĩnh Phúc và khu vực.

Trường đã tạo lập được không gian văn hóa riêng đảm bảo điều kiện tốt nhất để cán bộ giáo viên phát huy hết nội lực và cống hiến cho sự nghiệp chung của nhà trường.

2.2. Thành tích nổi bật:

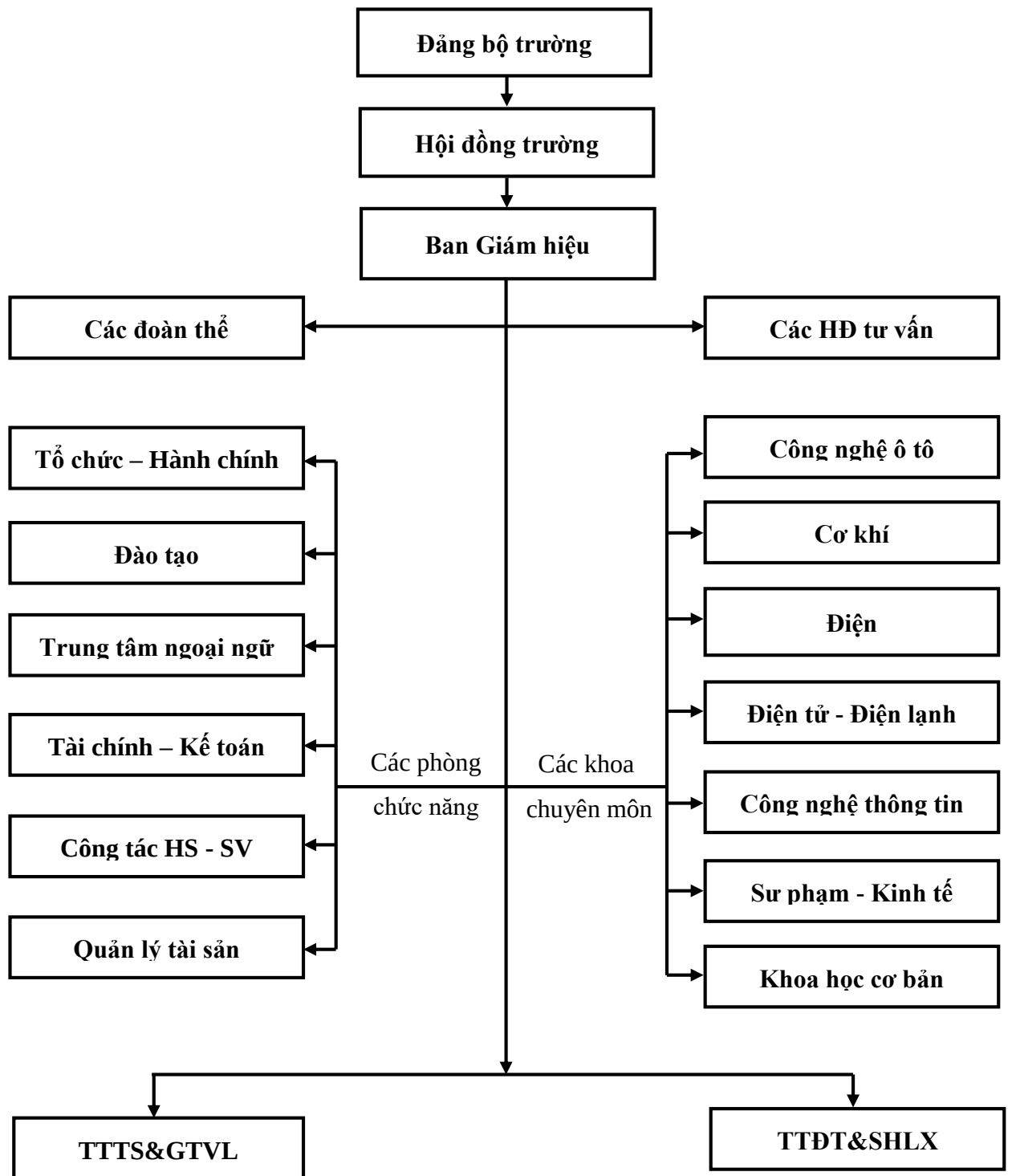
Trong những năm qua, đặc biệt là từ khi được nâng cấp thành trường Cao đẳng nghề, dưới sự lãnh đạo của Ban chấp hành Đảng uỷ, Ban Giám hiệu, cùng với sự quan tâm chỉ đạo trực tiếp của Bộ Nông nghiệp & PTNT, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp và sự đoàn kết, nhất trí, nỗ lực phấn đấu của tập thể cán bộ CNVC - giáo viên và HSSV, nhà trường đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Tập thể nhà trường liên tục được công nhận Trường tiên tiến xuất sắc của Bộ, được Đảng, Nhà nước và các đoàn thể Trung ương tặng nhiều phần thưởng cao quý:

- Huân chương Lao động hạng Ba năm 1990.
- Huân chương Lao động hạng Nhì năm 1995.
- Huân chương Lao động hạng Nhất năm 2000.
- Huân chương Độc lập hạng Ba năm 2005.
- Huân chương Độc lập hạng Nhì năm 2010.
- Huân chương tự do của nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.
- Nhiều năm liền được tặng Cờ thi đua xuất sắc của Bộ NN và PTNT.
- Nhiều năm liền được tặng Cờ thi đua xuất sắc của Bộ Lao động TB&XH.
- Cờ thi đua của Thủ tướng Chính phủ năm 2009, 2014.
- Cờ thi đua xuất sắc của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam năm 2003, 2005 và năm 2009.
- Cờ thi đua xuất sắc của UBND tỉnh Vĩnh Phúc khối các trường Đại học, cao đẳng tỉnh Vĩnh Phúc năm 2007, 2010, 2014.

- 06 đồng chí được phong tặng danh hiệu nhà giáo ưu tú.
- 02 tập thể và 11 cá nhân được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba.
- Nhiều đồng chí được tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp Bộ.
- Nhiều tập thể và cá nhân được tặng bằng khen của Thủ tướng chính phủ.
- 02 giáo viên được trao tặng giải thưởng Nguyễn Văn Trỗi.
- Nhiều năm liền được tặng Bằng khen của Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam và Trung ương đoàn TNCS Hồ Chí Minh.
- Nhiều lượt tập thể và cá nhân được tặng bằng khen của các Bộ, Ngành, Trung ương và tỉnh Vĩnh Phúc.
- 01 giáo viên đạt chứng nhận Tay nghề vàng cuộc thi Myskills – Kỹ năng nghề giáo viên ASEAN.
- Giáo viên dạy giỏi cấp toàn Quốc: 05 giải nhất; 03 giải nhì; 04 giải ba.
- 01 sinh viên đạt Huy chương vàng ASEAN nghề Công nghệ ô tô, 01 học sinh đạt huy chương đồng nghề sửa chữa ô tô khối các nước XHCN; trên 20 lượt học sinh đạt danh hiệu học sinh giỏi nghề cấp Toàn quốc, cấp Bộ và cấp Tỉnh.

3. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của cơ sở giáo dục nghề nghiệp

3.1. Cơ cấu tổ chức



3.2. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của trường

Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị	Chức danh, Chức vụ
1. Ban Giám hiệu	Phạm Thị Lan Phương	1973	Tiến sỹ	Hiệu trưởng
	Phạm Tổ Như	1963	Thạc sỹ	Phó Hiệu trưởng
	Đào Tuấn Anh	1978	Thạc sỹ	Phó Hiệu trưởng
2. Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn				
Đảng Bộ	Phạm Thị Lan Phương	1973	Tiến sỹ	Bí thư
	Đào Tuấn Anh	1978	Thạc sỹ	Phó BT TT
Công Đoàn	Lê Đức Quảng	1970	Thạc sỹ	Chủ tịch
Đoàn Thanh niên	Nguyễn Văn Thông	1983	Thạc sỹ	Bí thư
Nữ công	Trần Thu Huyền	1971	Thạc sỹ	Trưởng ban
3. Trưởng các phòng chức năng				
Phòng TCHC	Phạm Thị Ánh Ngọc	1983	Thạc sỹ	Phụ trách phòng
Phòng TCKT	Vũ Thị Lâm	1977	Thạc sỹ	Kế toán trưởng
Phòng Công tác HSSV	Nguyễn Tiến Sỹ			Q. Trưởng phòng
Phòng QTĐS	Nguyễn T Thu Hiền	1982	Thạc sỹ	Trưởng phòng
Phòng Đào tạo	Đỗ Viết Tuấn	1964	Thạc sỹ	Trưởng khoa
Trung tâm ngoại ngữ	Dương Trung Hiếu	1979	Thạc sỹ	Trưởng phòng
4. Trưởng các khoa				
Khoa Cơ bản	Lê Đức Quảng	1970	Thạc sỹ	Trưởng khoa
Khoa Điện	Trịnh Xuân Bình	1973	Thạc sỹ	Trưởng khoa
Khoa ĐT - ĐL	Phạm Duy Quyết	1960	Thạc sỹ	Trưởng khoa
Khoa Công nghệ ô tô	Nguyễn Đức Nam	1969	Thạc sỹ	Trưởng khoa
Khoa Cơ khí	Phạm Văn Úc	1965	Thạc sỹ	Trưởng khoa
Khoa SP-KT	Nguyễn Hữu Thành	1973	Thạc sỹ	Trưởng khoa
Khoa Công nghệ thông tin	Đỗ Viết Tuấn	1964	Thạc sỹ	Trưởng khoa
5. Trưởng Trung tâm trực thuộc				
Trung tâm ĐT & SHLX	Lê Xuân Thắng	1974	Thạc sỹ	Giám đốc
Trung tâm TS>VL	Nguyễn Ngọc Cường	1973	Thạc sỹ	Giám đốc

3.3. Tổng số cán bộ, giáo viên của trường: 243

(Tổng số bao gồm cả cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên kỹ thuật, tạp vụ...bao gồm cả những người đã ký hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm)

- Nam: 158 - Nữ: 85

3.4. Đội ngũ giáo viên:

- Giáo viên cơ hữu: 228 - Nam: 152 - Nữ: 76

TT	Giáo viên cơ hữu			
	Trình độ đào tạo	Nam	Nữ	Tổng số
1	Tiến sĩ	7	1	8
2	Thạc sĩ	88	55	143
3	Đại học	37	20	57
4	Cao đẳng	15	0	15
5	Trung cấp	5	0	5
Tổng số		152	76	228

- Thỉnh giảng: 22

4. Nghề đào tạo và quy mô đào tạo của cơ sở giáo dục nghề nghiệp

4.1. Các nghề đào tạo và quy mô tuyển sinh của trường theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đã được cấp

TT	Nội dung	Tổng	Trong đó		
			Cao đẳng	Trung cấp	Sơ cấp
1	Logistics	70	35	35	
2	Kế toán doanh nghiệp	130	35	65	30
3	Quản lý và bán hàng trong siêu thị	60		60	
4	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	110	30	80	
5	Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm)	40	40		
6	Tin học văn phòng	160	80	50	30
7	Quản trị mạng máy tính	120	60	60	
8	Thiết kế trang Web	40	20	20	
9	Đồ họa đa phương tiện	40	20	20	
10	Vẽ và thiết kế trên máy tính	35			35
11	Đồ họa máy tính	35			35
12	Cấu hình và quản trị thiết bị mạng	35			35
13	Thiết kế và quản trị website	35			35

TT	Nội dung	Tổng	Trong đó		
			<i>Cao đẳng</i>	<i>Trung cấp</i>	<i>Sơ cấp</i>
14	Lắp ráp và cài đặt máy tính	35			35
15	Công nghệ ô tô	250	120	100	30
16	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ ô tô	35			35
17	Bảo dưỡng sửa chữa điện ô tô	35			35
18	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực ô tô	35			35
19	Bảo dưỡng sửa chữa khung vỏ ô tô	35			35
20	Bảo dưỡng ô tô	45			45
21	Sơn ô tô	35			35
22	Làm đẹp ô tô	35			35
23	Cắt gọt kim loại	165	50	85	30
24	Hàn	120	35	35	50
25	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	40	20	20	
26	Kỹ thuật máy nông nghiệp	20		20	
27	Vận hành máy thi công nền	60		30	30
28	Vận hành máy nông nghiệp	40		10	30
29	Xếp dỡ cơ giới tổng hợp	60		30	30
30	Tiện CNC	35			35
31	Phay CNC	35			35
32	Phay - Tiện vạn năng	35			35
33	Hàn điện	35			35
34	Hàn 3G	35			35
35	Hàn 6G	35			35

TT	Nội dung	Tổng	Trong đó		
			<i>Cao đẳng</i>	<i>Trung cấp</i>	<i>Sơ cấp</i>
36	Hàn MIG/MAG	50			50
37	Hàn TIG	50			50
38	Hàn Rôbốt	35			35
39	Hàn và cắt khí oxy - axetylen	45			45
40	Vận hành máy ủi	35			35
41	Vận hành máy xúc	35			35
42	Vận hành cầu trục	45			45
43	Vận hành máy thu hoạch	35			35
44	Vận hành máy làm đất	35			35
45	Sửa chữa điện - thủy lực trên máy thi công nền	35			35
46	Sửa chữa máy nông nghiệp	35			35
47	Vận hành xe nâng hàng	35			35
48	Vận hành xe kéo điện	35			35
49	Vận hành xe thang nâng	35			35
50	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	210	60	120	30
51	Điện tử công nghiệp	240	80	130	30
52	Cơ điện tử	70	35	35	
53	Thiết kế mạch điện tử trên máy tính	40	20	20	
54	Công nghệ cơ khí, sưởi ấm và điều hòa không khí	40	20	20	
55	Sửa chữa tủ lạnh	35			35
56	Sửa chữa và lắp đặt máy điều hòa	35			35
57	Điều khiển lập trình PLC	50			50

TT	Nội dung	Tổng	Trong đó		
			Cao đẳng	Trung cấp	Sơ cấp
58	Ứng dụng vi điều khiển	35			35
59	Lắp ráp thiết bị điện tử	35			35
60	Điện công nghiệp	310	100	180	30
61	Kỹ thuật lắp đặt điện và điều khiển trong công nghiệp	40	20	20	
62	Tự động hóa công nghiệp	95	35	60	
63	Công nghệ điện tử và năng lượng tòa nhà	40	20	20	
64	Lắp đặt, sửa chữa điện - nước gia dụng	35			35
65	Điện dân dụng	30			30
66	Lái xe ô tô (B1,B2,C)	2600			2600

4.2. Quy mô đào tạo (đã quy đổi)

TT	Trình độ đào tạo	Năm			
		2020	2021	2022	03/2023
1.	Cao đẳng nghề	896	972	840	763
2.	Trung cấp nghề	2354	2299	2642	2631
3.	Liên thông cao đẳng	104	82	127	166
4.	Sơ cấp nghề	65	94	138	0
Tổng cộng		3419	3447	3671	3560

5. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính

5.1. Diện tích đất:

- Tổng diện tích đất:	165.677 m²
+ Diện tích xây dựng:	70.520 m²
+ Diện tích cây xanh, lưu không:	75.377 m²
+ Diện tích hồ nước:	19.780m²

5.2. Diện tích hạng mục và công trình

TT	Danh mục công trình	Năm đưa vào sử dụng	Cấp Công trình	Số tầng	Diện tích	Diện tích chiếm đất
I	Nhà làm việc				4,359	934
1	Nhà điều hành TTĐT&SHLX	2006	III	3	1,032	344
2	Nhà Hiệu bộ 6 tầng	2009	III	6	3,327	590
II	Nhà xưởng				14,589	5,883
1	Xưởng thực hành X9	1989	IV	1	760	760
2	Xưởng thực hành X10	2006	III	2	1,282	882
3	Xưởng công nghệ ô tô X11	2014	III	3	6,525	2,045
4	Xưởng điện công nghiệp X23	2014	III	3.5	5,414	1,588
5	Xưởng X13	2016	IV	1	608	608
III	Giảng đường				8,276	2,819
1	Nhà học lý thuyết H1 (H3.1)	1989	III	2	1,240	620
2	Nhà học chuyên môn 2 tầng (H3.2)	2000	III	2	1,350	675
3	Nhà giảng đường H5 (Giảng đường 05)	2010	III	4	3,022	756
4	Nhà giảng đường H6 (Giảng đường 06 và nhà cầu số 02)	2010	III	4	1,608	402
5	Nhà học lý thuyết khoa Cơ giới	2011	IV	1	66	66
6	Nhà học 3 tầng (H2)	1990	III	3	990	300
IV	Nhà KTX				2,350	940
1	Nhà ký túc xá 2 tầng A1	1996	III	2	940	470
2	Nhà ký túc xá 3 tầng A3	2000	III	3	1,410	470
V	Tài sản khác				7,500	4,765
1	Nhà ăn 2 tầng	2019	III	2	760	380
2	Trạm biến áp 320-KVA trong nhà	2010	IV	1	20	20
3	Nhà Thư viện	2012	III	3.5	3,140	785

TT	Danh mục công trình	Năm đưa vào sử dụng	Cấp Công trình	Số tầng	Diện tích	Diện tích chiếm đất
4	Nhà Hội trường	2012	III	1	940	940
5	Nhà thường trực	2009	IV	1	31	31
6	Văn phòng tuyển sinh	2009	IV	1	83	83
7	Nhà để xe của HSSV số 1	2013	IV	1	857	857
8	Nhà để xe của HSSV số 2	2019	IV	1	857	857
9	Ga ra ô tô	1992	IV	1	750	750
10	Trạm biến áp 320KVA	2006	IV	1	40	40
11	Trạm điện	2021	IV	1	22	22
	Tổng cộng				37,074	15,341

5.3. Tổng số đầu sách trong thư viện của trường: 8259

- Tổng đầu sách thuộc nghề đào tạo của trường: **5085**

- Đầu sách khác: **3174**

5.4. Tổng số máy tính của trường: 599

- Dùng cho văn phòng: 93

- Dùng cho giảng dạy và học tập: 506

5.5. Tổng kinh phí đào tạo 3 năm trở lại đây (ĐVT: đồng)

- Năm 2019 : 34.843.980.000 đồng

- Năm 2020 : 42.150.980.000 đồng

- Năm 2021 : 33.575.895.000 đồng

5.6. Tổng thu học phí (chỉ tính hệ chính quy) 3 năm trở lại đây (ĐVT: đồng):

- Năm 2019 : 12.586.777.500 đồng

- Năm 2020 : 10.248.545.000 đồng

- Năm 2021 : 13.858.350.000 đồng

PHẦN II. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

1. Đặt vấn đề

Chất lượng giáo dục nghề nghiệp là một vấn đề được Trường Cao đẳng Cơ khí nông nghiệp hết sức quan tâm. Ngày nay xu thế toàn cầu hoá, hội nhập kinh tế quốc tế đang tác động đến tất cả các lĩnh vực của đời sống, mang lại cả cơ hội và thách thức đối

với không chỉ mỗi quốc gia mà ngay cả đối với mỗi cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Trong đó, sự cạnh tranh giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp ngày càng trở nên quyết liệt, gay gắt. Lợi thế cạnh tranh sẽ thuộc về cơ sở giáo dục nghề nghiệp nào có chất lượng cao.

Chất lượng giáo dục nghề nghiệp đang là vấn đề thu hút được sự quan tâm của các nhà quản lý, các doanh nghiệp, của phụ huynh, cũng như người học và toàn xã hội. Ý thức được vấn đề đó, Trường Cao đẳng Cơ khí nông nghiệp đã tiến hành thực hiện tự đánh giá qua đó có thể đưa ra được các mặt mạnh, mặt yếu để từ đó xây dựng kế hoạch và các biện pháp cải tiến nhằm đáp ứng mục tiêu giáo dục nghề nghiệp mà Nhà trường đã đề ra. Tự đánh giá không chỉ tạo cơ sở cho công tác đánh giá mà qua đó Nhà trường còn thể hiện được tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm, thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp mục tiêu của Trường.

2. Tổng quan chung

2.1 Căn cứ tự đánh giá

- Bộ tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường trung cấp, trường cao đẳng ban hành kèm theo Thông tư số 15/2019/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 06 năm 2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Căn cứ phụ lục công văn số 453/TCGDNN-KĐCL ngày 25/3/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trường cao đẳng.

- Quy trình thực hiện tự đánh giá chất lượng theo mục 2 của Thông tư số 28/2019/TT-LĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cụ thể như sau:

- + Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng.
- + Thực hiện tự đánh giá chất lượng.
- + Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng.
- + Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng và gửi cơ quan có thẩm quyền.

2.2 Mục đích tự đánh giá

- Nâng cao nhận thức của cán bộ, giáo viên, nhân viên và HSSV trong toàn trường về tầm quan trọng của công tác tự đánh giá các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục nghề nghiệp theo bộ tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường cao đẳng do Bộ LĐ-TB&XH ban hành, qua đó huy động tất cả các cơ quan, đơn vị và cá nhân trong toàn trường cùng thực hiện công tác tự đánh giá.

- Thu thập, xử lý thông tin và minh chứng để đánh giá mức độ đạt được của nhà trường dựa trên hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp của trường cao đẳng.

- Xây dựng, thực hiện và duy trì tốt các tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng đã đạt được từ năm 2015 đến nay, đồng thời khắc phục những tiêu chí, tiêu chuẩn chưa đạt qua đó giúp trường hoạch định chiến lược phát triển các nguồn lực trong từng giai đoạn, tiến tới xây dựng trường vững mạnh toàn diện, khẳng định uy tín và thương hiệu của Trường Cao đẳng Cơ khí nông nghiệp, trở thành Trường chất lượng cao đạt chuẩn khu vực Asean và quốc tế.

2.3 Yêu cầu tự đánh giá

- Đảm bảo khách quan, trung thực và minh bạch trong quá trình tự đánh giá.
- Hợp tác, trao đổi, thảo luận công khai với tất cả các thành viên trong Trường.
- Đảm bảo đầy đủ nội dung cần đánh giá, đúng thời gian theo kế hoạch.

2.4 Phương pháp tự đánh giá

- Nghiên cứu bộ tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng và các tài liệu, hồ sơ minh chứng kèm theo.
- Thu thập thông tin, minh chứng và đánh giá các hoạt động của Nhà trường theo nội hàm của tiêu chí, tiêu chuẩn.
- Khảo sát thực tế, thảo luận, phỏng vấn, lấy ý kiến từ các đơn vị, cán bộ quản lý, giáo viên, người học, cựu HSSV và người sử dụng lao động.

2.5 Các bước tiến hành tự đánh giá

- Xác định mục đích, phạm vi, quy trình tự đánh giá chất lượng theo Thông tư số 28/2019/TT-LĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.
- Xây dựng kế hoạch tự đánh giá.
- Thu thập thông tin, minh chứng.
- Xử lý phân tích các thông tin, minh chứng thu thập được.
- Đánh giá mức độ đơn vị, trường đã đạt được theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá.
- Viết báo cáo kết quả tự đánh giá trường.
- Quản lý, duy trì cơ sở dữ liệu, thông tin, minh chứng về hoạt động tự đánh giá chất lượng của trường.

3. Tự đánh giá

3.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của CSGDNN
	ĐỀ XUẤT KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC	100	96
1	Tiêu chí 1 - Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý	12	12
	Tiêu chuẩn 1.1: Mục tiêu và sứ mạng của trường được xác định cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thể hiện được vai trò của trường trong việc đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, ngành và được công bố công khai.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 1.2: Trường thực hiện phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương hoặc ngành để xác định các ngành, nghề đào tạo và quy mô đào tạo phù hợp.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 1.3: Trường ban hành văn bản quy định về tổ chức và quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường theo quy định.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 1.4: Hằng năm, các văn bản quy định về tổ chức và quản lý của trường được rà soát, thực hiện điều chỉnh nếu cần thiết.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 1.5: Các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường được phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu của trường.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 1.6: Hội đồng trường hoặc hội đồng quản trị, các hội đồng tư vấn, các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định và có hiệu quả.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 1.7: Trường xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng theo quy định.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 1.8: Trường có bộ phận phụ trách thực hiện công tác quản lý, đảm bảo chất lượng đào tạo và hằng năm hoàn thành nhiệm vụ được giao.	1	Đạt

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của CSGDNN
	Tiêu chuẩn 1.9: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong trường phát huy được vai trò lãnh đạo, hoạt động đúng điều lệ và theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 1.10: Các đoàn thể, tổ chức xã hội trong trường hoạt động theo đúng điều lệ của tổ chức mình và theo quy định của pháp luật, góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của trường.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 1.11: Trường có quy định và thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường theo quy định nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Hằng năm rà soát, cải tiến phương pháp, công cụ kiểm tra, giám sát.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 1.12: Trường có văn bản và thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi của nhà nước cho các đối tượng được thụ hưởng; thực hiện chính sách bình đẳng giới theo quy định.	1	Đạt
2	Tiêu chí 2 - Hoạt động đào tạo	17	17
	Tiêu chuẩn 2.1. Các ngành, nghề đào tạo của trường được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Trường ban hành chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo và công bố công khai để người học và xã hội biết.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 2.2. Trường xây dựng và ban hành quy chế tuyển sinh theo quy định.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 2.3. Hằng năm, trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh và thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 2.4. Thực hiện đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 2.5. Trường xây dựng và phê duyệt kế hoạch, tiến độ đào tạo cho từng lớp, từng khóa học của mỗi ngành hoặc nghề, theo từng học kỳ, năm học. Kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng mô đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với từng	1	Đạt

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của CSGDNN
	hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đúng quy định		
	Tiêu chuẩn 2.6. Trường tổ chức thực hiện theo kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo đã được phê duyệt.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 2.7. Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt; có sự phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập các ngành, nghề tại đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 2.8. Phương pháp đào tạo được thực hiện kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 2.9. Trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 2.10. Hằng năm, trường có kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo đúng kế hoạch.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 2.11. Hằng năm, trường có báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học; có đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học; kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học theo đề xuất nếu cần thiết.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 2.12. Trường ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 2.13. Trong quá trình đánh giá kết quả học tập của người học có sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động và theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 2.14. Tổ chức thực hiện kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn	1	Đạt

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của CSGDNN
	luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định đảm bảo nghiêm túc, khách quan.		
	Tiêu chuẩn 2.15. Hằng năm, trường thực hiện rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ và kịp thời điều chỉnh nếu cần thiết.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 2.16. Trường có hướng dẫn và tổ chức thực hiện về đào tạo liên thông theo quy định.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 2.17. Trường có cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo và tổ chức quản lý, sử dụng hiệu quả.	1	Đạt
3	Tiêu chí 3 - Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động	15	14
	Tiêu chuẩn 3.1. Có quy định về việc tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 3.2. Tổ chức thực hiện tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan; thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động theo quy định.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 3.3. Đội ngũ nhà giáo của trường tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành khác nếu có.	1	Không đạt
	Tiêu chuẩn 3.4. Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định và không vi phạm quy chế, nội quy và quy định của trường.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 3.5. Trường có đội ngũ nhà giáo đảm bảo tỷ lệ quy đổi; số lượng nhà giáo cơ hữu đảm nhận khối lượng chương trình mỗi ngành, nghề đào tạo theo quy định; trường đảm bảo tỷ lệ nhà giáo có trình độ sau đại học theo quy định.	1	Đạt

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của CSGDNN
	Tiêu chuẩn 3.6. Nhà giáo giảng dạy theo nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chương trình đào tạo.	1	<i>Đạt</i>
	Tiêu chuẩn 3.7. Trường có chính sách, biện pháp và thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy.	1	<i>Đạt</i>
	Tiêu chuẩn 3.8. Hằng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ nhà giáo.	1	<i>Đạt</i>
	Tiêu chuẩn 3.9. Nhà giáo được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất theo quy định và thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	<i>Đạt</i>
	Tiêu chuẩn 3.10. Hằng năm, trường thực hiện tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo.	1	<i>Đạt</i>
	Tiêu chuẩn 3.11. Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng của trường đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định và thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm được giao.	1	<i>Đạt</i>
	Tiêu chuẩn 3.12. Đội ngũ cán bộ quản lý của các đơn vị thuộc trường được bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định.	1	<i>Đạt</i>
	Tiêu chuẩn 3.13. Đội ngũ cán bộ quản lý của trường đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ; thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ được giao	1	<i>Đạt</i>
	Tiêu chuẩn 3.14. Hằng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý.	1	<i>Đạt</i>
	Tiêu chuẩn 3.15. Đội ngũ viên chức, người lao động của trường đủ số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc được giao, được định kỳ bồi dưỡng nâng cao trình độ.	1	<i>Đạt</i>
4	Tiêu chí 4 - Chương trình, giáo trình	15	14

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của CSGDNN
	Tiêu chuẩn 4.1. Có đầy đủ chương trình đào tạo các chuyên ngành hoặc nghề mà trường đào tạo.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 4.2. 100% chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 4.3. Chương trình đào tạo của trường thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp; phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học, từng chuyên ngành hoặc nghề và từng trình độ theo quy định.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 4.4. Chương trình đào tạo được xây dựng có sự tham gia của nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 4.5. Chương trình đào tạo đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 4.6. Chương trình đào tạo được xây dựng bảo đảm việc liên thông giữa các trình độ giáo dục nghề nghiệp với các trình độ đào tạo khác trong hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định.	1	Không đạt
	Tiêu chuẩn 4.7. Ít nhất 3 năm 1 lần trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với chương trình đào tạo đã ban hành.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 4.8. Chính sửa, bổ sung chương trình đào tạo có cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến ngành, nghề đào tạo hoặc tham khảo các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 4.9. Trước khi tổ chức đào tạo liên thông, trường căn cứ chương trình đào tạo, thực hiện rà soát các mô đun, tín chỉ, môn học và có quyết định đối với các mô đun, tín chỉ, môn học mà người học không phải học để đảm bảo quyền lợi của người học.	1	Đạt

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của CSGDNN
	Tiêu chuẩn 4.10. Có đủ giáo trình cho các mô đun, môn học của từng chương trình đào tạo.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 4.11. 100% giáo trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định để làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 4.12. Giáo trình đào tạo cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 4.13. Giáo trình đào tạo tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 4.14. Hằng năm, trường thực hiện việc lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 4.15. Khi có sự thay đổi về chương trình đào tạo, trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với giáo trình đào tạo đảm bảo yêu cầu theo quy định.	1	Đạt
5	Tiêu chí 5 - Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện	15	14
	Tiêu chuẩn 5.1. Địa điểm xây dựng trường phù hợp với quy hoạch chung của khu vực và mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, khu đất xây dựng cần đảm bảo yên tĩnh cho việc giảng dạy và học tập; giao thông thuận tiện và an toàn; thuận tiện cho việc cung cấp điện, nước, đảm bảo khoảng cách đối với các xí nghiệp công nghiệp thải ra chất độc hại; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 5.2. Quy hoạch tổng thể mặt bằng khuôn viên hợp lý, phù hợp với công năng và các yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc và môi trường sư phạm; diện tích đất sử dụng, diện tích cây xanh đảm bảo theo quy định.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 5.3. Có đủ các khu vực phục vụ hoạt động của trường theo tiêu chuẩn: khu học tập và nghiên cứu khoa học (phòng học lý thuyết, phòng học thực hành,	1	Đạt

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của CSGDNN
	phòng thí nghiệm và phòng học chuyên môn); khu thực hành (xưởng thực hành, thực tập, trại trường, vườn thí nghiệm); khu vực rèn luyện thể chất; khu hành chính quản trị, phụ trợ và khu phục vụ sinh hoạt cho người học và nhà giáo.		
	Tiêu chuẩn 5.4. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường (đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; cấp thoát nước, xử lý nước thải, chất thải; thông gió; phòng cháy chữa cháy) theo quy chuẩn và đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt; được bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 5.5. Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa bảo đảm quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành và các yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 5.6. Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 5.7. Phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa được sử dụng theo quy định hiện hành.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 5.8. Thiết bị đào tạo đáp ứng danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu đào tạo của từng trình độ đào tạo theo chuyên ngành hoặc nghề do cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương quy định. Đối với các chuyên ngành hoặc nghề mà cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương chưa ban hành danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu thì trường đảm bảo thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo, tương ứng quy mô đào tạo của chuyên ngành hoặc nghề đó.	1	Không đạt
	Tiêu chuẩn 5.9. Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành; đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường.	1	Đạt

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của CSGDNN
	Tiêu chuẩn 5.10. Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo, trong đó có quy định về việc định kỳ đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 5.11. Thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định của trường và nhà sản xuất; hàng năm đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng theo quy định.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 5.12. Trường có định mức tiêu hao vật tư hoặc định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo và có quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo; tổ chức thực hiện theo quy định đảm bảo kịp thời, đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo; vật tư được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện cho việc bảo quản và sử dụng.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 5.13. Trường có thư viện bao gồm phòng đọc, phòng lưu trữ bảo đảm theo tiêu chuẩn thiết kế. Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được trường phê duyệt, mỗi loại giáo trình đảm bảo tối thiểu 05 bản in.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 5.14. Tổ chức hoạt động, hình thức phục vụ của thư viện trường phù hợp với nhu cầu tra cứu của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 5.15. Trường có thư viện điện tử, có phòng máy tính đáp ứng nhu cầu tra cứu, truy cập thông tin của nhà giáo và người học; các giáo trình, tài liệu tham khảo của trường được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.	1	Đạt
6	Tiêu chí 6 - Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế	5	5
	Tiêu chuẩn 6.1. Trường có chính sách và thực hiện các chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải	1	Đạt

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của CSGDNN
	tiến và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo.		
	Tiêu chuẩn 6.2. Hằng năm, trường có đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến từ cấp trường trở lên phục vụ thiết thực công tác đào tạo của trường (ít nhất 01 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường trung cấp, ít nhất 02 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường cao đẳng).	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 6.3. Hằng năm, trường có các bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đăng trên các báo, tạp chí khoa học ở trong nước hoặc quốc tế.	1	Không đạt
	Tiêu chuẩn 6.4. Các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến của trường được ứng dụng thực tiễn.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 6.5. Có liên kết đào tạo hoặc triển khai các hoạt động, hợp tác với các trường nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế; các hoạt động hợp tác quốc tế góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường.	1	Đạt
7	Tiêu chí 7 - Quản lý tài chính	6	6
	Tiêu chuẩn 7.1. Trường có quy định về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính theo quy định và công bố công khai.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 7.2. Quản lý, sử dụng các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo; tham gia sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đúng theo quy định.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 7.3. Trường có các nguồn lực về tài chính đảm bảo đủ kinh phí phục vụ các hoạt động, của trường.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 7.4. Thực hiện việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán đúng quy định.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 7.5. Thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính kế toán; thực hiện kiểm toán theo quy định; xử lý, khắc phục kịp thời các vấn đề còn vướng mắc trong việc thực hiện các quy định về quản lý và sử dụng tài chính khi có kết luận của các cơ quan có thẩm quyền; thực hiện công khai tài chính theo quy định.	1	Đạt

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của CSGDNN
	Tiêu chuẩn 7.6. Hằng năm, trường có đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của trường; có các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài chính nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của trường.	1	Đạt
8	Tiêu chí 8 - Dịch vụ người học	9	9
	Tiêu chuẩn 8.1. Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường; các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học; các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học theo quy định.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 8.2. Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 8.3. Có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Người học được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại trường để hoàn thành nhiệm vụ học tập.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 8.4. Người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 8.5. Ký túc xá đảm bảo đủ diện tích nhà ở và các điều kiện tối thiểu (chỗ ở, điện, nước, vệ sinh, các tiện nghi khác) cho sinh hoạt và học tập của người học.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 8.6. Có dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khỏe; dịch vụ ăn uống của trường đáp ứng nhu cầu của người học và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 8.7. Người học được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động xã hội; được đảm bảo an toàn trong khuôn viên trường.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 8.8. Trường thực hiện việc tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp	1	Đạt

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của CSGDNN
	Tiêu chuẩn 8.9. Hằng năm, trường tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hội chợ việc làm để người học tiếp xúc với các nhà tuyển dụng.	1	Đạt
9	Tiêu chí 9 - Giám sát, đánh giá chất lượng	6	6
	Tiêu chuẩn 9.1. Hằng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 9.2. Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 50% cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 9.3. Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 30% người học đại diện các ngành, nghề đào tạo về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 9.4. Trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng và đánh giá chất lượng theo quy định.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 9.5. Hằng năm, trường có kế hoạch cụ thể và các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá và kết quả đánh giá ngoài nếu có.	1	Đạt
	Tiêu chuẩn 9.6. Trường có tỷ lệ 80% người học có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo sau 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp.	1	Đạt